

Số: /QĐ-KHĐT.ĐTĐ

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa, bổ sung cọc H, cột Km các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư: Số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 17/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 sửa đổi Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 13/2021/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 362/UBND-XDCB ngày 16/2/2023 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận, quản lý QL.38 đoạn Km0-Km4+200 và đoạn Km5+257-Km11+400 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh thành đường địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 87-NQ/TU ngày 15/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng “Tỉnh an toàn giao thông”; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh về xây dựng “Tỉnh an toàn giao thông”;

Căn cứ Văn bản số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận phân khai dự toán ngân sách nhà nước giao Sở Giao thông vận

tải thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 61/TB-STC ngày 21/02/2023 của Sở Tài chính về các khoản chi không tự chủ theo nội dung công việc trong dự toán giao năm 2023 (Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công) Đơn vị: Sở Giao thông – Vận tải – Chương 421;

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-SGTVT ngày 01/11/2023 của Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 2447/SGTVT-QLCL ngày 08/11/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa, bổ sung cọc H, cột Km các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2452/TTr-SGTVT ngày 08/11/2023 về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Sửa chữa, bổ sung cọc H, cột Km các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và đề nghị của Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa, bổ sung cọc H, cột Km các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Sửa chữa, bổ sung cọc H, cột Km các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Người quyết định đầu tư: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông Vận tải Bắc Ninh.

4. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa, bổ sung hệ thống cọc H, cột Km trên các tuyến đường tỉnh nhằm xác định lý trình để phục vụ yêu cầu trong công tác quản lý đường, kết hợp chỉ dẫn cho người tham gia giao thông biết khoảng cách trên hướng đi, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Bắc Ninh.

5. Quy mô đầu tư: Tiến hành sửa chữa, bổ sung thay thế, đồng bộ theo tiêu chuẩn hệ thống cọc H, cột Km trên các tuyến đường tỉnh 295B, 276, 276 mới, 278, 286, 287, 279, 295, 280, 280 mới, 281, 283, 285.

6. Nội dung đầu tư, giải pháp thiết kế:

Việc sửa chữa, bổ sung hệ thống cọc H, cột Km đảm bảo theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT. Chi tiết thực hiện hệ thống cọc H, hệ thống cột Km như sau:

6.1. Hệ thống cọc H:

6.1.1. Cọc H bằng BTCT tận dụng cũ:

- Gia công hộp tôn hình chữ nhật (tôn dày 2,0mm, dán màng phản quang loại III tương đương 3M seri 3900) chụp lên cọc H cũ với hình dạng hộp tôn cụ thể như sau:

+ Đầu trên cùng kích thước (150x200x200)mm, phần chóp nhọn cao 50mm, dán màng phản quang màu đỏ;

+ Phần thân hộp bên dưới kích thước (400x200x200)mm, dán màng phản quang màu trắng;

+ Liên kết giữa hộp tôn và cọc H cũ bằng khoan tạo lỗ bắt bulong M12.

6.1.2. Cọc H lắp đặt bổ sung:

a) Đối với cọc H bằng BTCT:

- Đào móng cọc, đất cấp III, kích thước móng (400x400x500)mm.

- BTXM móng cọc mác 150, đá 1x2.

- Gia công cọc H bằng BTCT, đổ BTXM mác 200, đá 1x2, kích thước (1000x200x200)mm trong đó: đầu trên cùng kích thước (150x200x200)mm, phần chóp nhọn cao 50mm; phần thân trên kích thước (450x200x200)mm; phần dưới móng kích thước (400x200x200)mm.

- Gia công hộp tôn hình chữ nhật (tôn dày 2,0mm, dán màng phản quang loại III tương đương 3M seri 3900) chụp lên cọc H với hình dạng: đầu trên cùng kích thước (150x200x200)mm, phần chóp nhọn cao 50mm, dán màng phản quang màu đỏ; thân hộp kích thước (400x200x200)mm, dán màng phản quang màu trắng; liên kết giữa hộp tôn và cọc H bằng khoan tạo lỗ bắt bulong M12.

b) Đối với cọc H dạng tấm gắn vào vật cứng cố định (lan can cầu, bó via bê tông,...):

- Cọc H được làm bằng tôn mạ kẽm dày 3mm; kích thước (500x200)mm, dán màng phản quang loại III (tương đương 3M seri 3900).

- Liên kết giữa cọc H với vật cứng cố định bằng khoan tạo lỗ bắt bulong M12.

c) Đối với cọc H dạng tấm gắn vào tôn hộ lan:

- Cọc H được làm bằng tôn mạ kẽm dày 3mm; kích thước (500x200)mm, dán màng phản quang loại III (tương đương 3M seri 3900), hàn liên kết giữa Cọc H với tôn hộ lan bằng thép hộp kích thước (40x20x20)mm.

6.2. Hệ thống cột Km:

6.2.1. Đối với cột Km dạng thấp:

- Đào móng cột, đất cấp III, kích thước móng (700x500x500)mm.

- BTXM móng cột mác 150, đá 1x2.

- Gia công cột Km bằng BTCT, đổ BTXM mác 200, đá 1x2, kích thước

(1230x400x200)mm trong đó: đầu trên cùng hình bán nguyệt đường kính 40cm, kích thước (200x400x200)mm; phần thân trên kích thước (530x400x200)mm; phần dưới móng kích thước (400x400x200)mm.

- Gia công hộp tôn hình chữ nhật (tôn dày 2,0mm, dán màng phản quang loại III tương đương 3M seri 3900) chụp lên cột Km với hình dạng: đầu trên cùng hình bán nguyệt đường kính 40cm, kích thước (200x400x200)mm, dán màng phản quang màu xanh; thân hộp kích thước (530x400x200)mm, dán màng phản quang màu trắng; liên kết giữa hộp tôn và cột Km bằng khoan tạo lỗ bắt bulong M12.

6.2.2. Đối với cột Km dạng cao:

- Thân cột Km được làm bằng tôn mạ kẽm dày 2,0mm, dán màng phản quang loại III (tương đương 3M seri 3900); đầu trên cùng hình bán nguyệt đường kính 52cm, kích thước (260x520x260)mm, dán màng phản quang màu xanh; thân hộp kích thước (690x520x200)mm, dán màng phản quang màu trắng;

- Thân cột Km lắp dựng trên ống thép mạ kẽm D60, dày 2,0mm, dán màng phản quang trắng, độ loại III (tương đương 3M seri 3900);

- BTXM móng cột Km mác 150, đá 1x2, kích thước (700x400x400)mm; liên kết giữa cột và móng bằng mặt bích kích thước (200x200x8)mm, khung móng cột kích thước (155x155x400)mm.

6.2.3. Đối với cột Km dạng tấm gắn vào vật cứng cố định trên tuyến (lan can cầu, bó vỉa bê tông):

- Cột Km được làm bằng tôn mạ kẽm dày 3mm; kích thước (500x200)mm, dán màng phản quang loại III (tương đương 3M seri 3900).

- Liên kết giữa cột Km với vật cứng cố định bằng khoan tạo lỗ bắt bulong M12.

(Nội dung chi tiết thể hiện trong Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo thẩm định số 2447/SGTVT-QLCL ngày 08/11/2023 của Sở Giao thông vận tải)

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Trọng Hiếu.

8. Địa điểm xây dựng: Tỉnh Bắc Ninh.

9. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Nhóm dự án: Nhóm C; Loại: Công trình giao thông.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng: **1.810.092.000 đồng** (Một tỷ, tám trăm mười triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng).

b) Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Chi phí xây dựng:	1.539.905.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	34.494.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	148.998.000	đồng.
- Chi phí khác:	500.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	86.195.000	đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp được giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo nội dung Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022, văn bản số 751/UBND-XDCB ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh và Quyết định số 1075/QĐ-SGTVT ngày 01/11/2023 của Sở Giao thông Vận tải điều chỉnh, bổ sung (Phần B, mục IX).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

15. Phân chia gói thầu: Toàn bộ phần xây lắp là 01 gói thầu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tiếp tục rà soát, tính toán kỹ lưỡng các khoản, mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án cho đúng, cho đủ theo quy định. Trên cơ sở đó, tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ, đáp ứng tính hiệu quả, tiết kiệm, trong mọi trường hợp không để xảy ra thất thoát lãng phí ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành: TC, GTVT, KBNN tỉnh;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Công thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, ĐTG;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Văn Hà